

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2020 HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 09 - 2020

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Đặng Thế Ứng**.

2/ Ông: **Cao Châu Tiếp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thanh An** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1980. (có mặt)

HKTT: Ấp H, xã Q, thị xã c, tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã Q, thị xã c, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị G trình bày:* Do quen biết trước bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T tự về chung sống với nhau vào tháng 3 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014, quyển số 01/2014 ngày 20/5/2014. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, ông T thường hay kiểm chuyện chửi bới nhục mạ bà G, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên và ông T nhiều lần đánh đập bà G, nên bà G có nộp đơn xin ly hôn với ông T vào tháng 12 năm 2018. Sau đó bà G rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ

lại, nhưng khi về sống chung với nhau không hạnh phúc mà tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, nên vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Nay bà G yêu cầu xin được ly hôn với ông T, vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà G để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Thừa nhận về quan hệ hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của bà G là đúng. Vợ chồng có cãi vã nhau thường xuyên, ông T có đánh đập bà G nhiều lần; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 03 năm 2020 cho đến nay. Nay ông T không đồng ý ly hôn mà yêu cầu vợ chồng đoàn tụ về sống chung. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt về pháp luật nên không có đề nghị gì.

Về ý kiến của phía đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị G cho bà Trần Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà G và ông T thống nhất với nhau để vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Xét thấy, Do quen biết trước bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T tự về chung sống với nhau vào tháng 3 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014, quyển số 01/2014 ngày 20/5/2014. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, ông T thường hay kiểm chuyện chửi bới nhục mạ bà G, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên và ông T nhiều lần đánh đập bà G, nên bà G có nộ đơn xin ly hôn với

ông T vào tháng 12 năm 201. Sau đó bà G rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ lại, nhưng khi về sống chung với nhau không hạnh phúc mà tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, nên vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay bà G vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông T, vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía ông T thì không đồng ý ly hôn mà yêu cầu vợ chồng đoàn tụ lại để sống chung, nhưng ông T không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ lại để sống chung. Hơn nữa, giữa ông T và bà G trước đây cũng đã xảy ra mâu thuẫn với nhau và bà G có làm đơn xin ly hôn với ông T. Sau đó bà G rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ về sống chung, nhưng khi đoàn tụ lại sống với nhau cũng không hạnh phúc mà tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, nên vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa bà G và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G và cho bà Trần Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà G và ông T thống nhất với nhau để vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này phía ông T và bà G không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị G. Cho bà Trần Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai thu số 0000489 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên bà G đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn